



DƯỠC MỸ PHẨM & MỤN TRỨNG CÁ

TS BS Trần Ngọc Ánh

Bộ môn Da liễu, Đại học Y khoa Phạm Ngọc Thạch



Dược Mỹ phẩm trong điều trị mụn trứng cá

- ✓ Kiểm soát sự tăng tiết bã quá mức ở da
- ✓ Làm sạch thoáng nang lông
- ✓ Điều trị những tổn thương mụn đang có
- ✓ Ngăn ngừa hình thành tổn thương mới



Vai trò tương quan của mỹ phẩm - thuốc

- ✓ Chăm sóc da nhờn, mụn
- ✓ Góp phần hoàn thiện trị liệu bằng thuốc
- ✓ Duy trì hiệu quả sau điều trị
- ✓ Giảm tác dụng phụ do thuốc: kích ứng, đỏ, khô, nứt...
- ✓ Mang lại sự dễ chịu, thoải mái

AHAs



Glycolic acid



Citric acid



Phytic acid



Lactic acid



Tartaric acid



Malic acid



AHAs

- Dạng rửa, toner, gel, serum, kem giữ ẩm
- Nồng độ 2% -20%
- Không dùng AHAs trong
 - ✓ Trứng cá đỏ vì tăng đỏ da.
 - ✓ Uống Isotretinoin
 - ✓ Đang sử dụng những phương pháp điều trị laser, siêu mài mòn, lột hóa chất
 - ✓ Thoa retinoids
 - ✓ Bỏ nắng



BHA

- Thông dụng nhất là salicylic acid
- Tác dụng: kháng viêm, tiêu sừng, tiêu nhân mụn, tẩy tế bào chết.
- Dạng rửa, gel, kem. Nồng độ 0,5 – 2%
- Dung nạp tốt, là lựa chọn thay thế trên những bệnh nhân không dung nạp tretinoin thoa



PHAs

Thế hệ kế tiếp AHAs

- Là carboxylic acid hữu cơ, polyhydroxy AHA
- Tác dụng chống lão hóa, mềm, mượt da như AHAs, thu nhỏ lỗ chân lông, ít kích thích, ít ngứa, bong rất, thích hợp với làn da nhạy cảm, viêm da cơ địa, trứng cá đỏ
- **Gluconolactone**: tác dụng như glycolic acid nhưng ít gây ngứa, ít kích thích và có hiệu quả giữ ẩm
- **Lactobionic acid**: tác dụng tăng tổng hợp collagen, chống oxy hóa, chống lão hóa, dùng điều trị mụn trên da nhạy cảm, ngừa tổn thương hàng rào da khi dùng những sản phẩm trị mụn.



RETINOIDS

- Retinoids thoa:
 - Thượng bì: giảm sừng hóa, tiêu nhân mụn, giảm melanosome, giảm melanin, tăng sợi neo bám.
 - Bì: tăng sinh nguyên bào sợi, tăng sản sinh collagen, cải thiện vi tuần hoàn, tăng sinh mạch máu
 - Không mong muốn: đỏ, khô, bong tróc da, quái thai
- Tretinoin , Adapalene, Tazarotene
- Retinol, Retinaldehyde, Retinyl acetate, Retinyl esters (Retinyl palmitate, Retinyl propionate), Vitamin A (retinoic acid),



DƯỢC THẢO

- Thành phần: lá, rễ, trái, cuống, hoa, vỏ cây
- Sản phẩm thoa: kem, lotion, mỡ, sáp, bột, hồ, nước trái cây, trà, cồn, thuốc sắc, dung dịch phun, chườm, đắp.

Da nhơn

Vitex (*Vitex agnus-castus*)

Bittersweet nightshade

Duckweed (*Lemna minor*)

Oak (sồi) (*Quercus robur*)

Walnut (óc chó)

AHAs, Blue flag rhizome

Witch hazel

Papaya (đu đủ)

Đậu nành

Mụn

White willow (*Salix*)

Tea tree oil

Lavender (oải hương)

Chamomile

Artemisia (cây ngải)

Basil (húng quế)

Pea (đậu Hà lan)

Pumpkin (bí ngô)

Onion (củ hành tây)

Trà xanh

Licorice root (rễ cam thảo)



KHÁC

- ▶ *Lưu huỳnh*: tiêu sừng, giảm P.acne, sát trùng
- ▶ *Resorcinol*: tiêu sừng, giảm ngứa, sát khuẩn, kháng nấm
- ▶ Điều trị rối loạn sắc tố trong mụn
- ▶ Hiệu quả tăng khi kết hợp với Sulfur
- ▶ Không dùng trên diện rộng hay trên da bị bong lột.
- ▶ *Niacinamide*: bong lột nhẹ, giảm nhờn, dưỡng ẩm, thích hợp cho da nhạy cảm
- ▶ *Zinc*: kháng viêm, có thể uống hay thoa
- ▶ *Triclosan*: sát khuẩn



SẢN PHẨM

- Mục tiêu: chăm sóc da nhờn, mụn, kiểm soát chất bã nhờn
- Gồm các bước:
 - ✓ Rửa, làm sạch
 - ✓ Tẩy tế bào chết
 - ✓ Đắp mặt nạ
 - ✓ Cân bằng (toner, astringent)
 - ✓ Dưỡng ẩm
 - ✓ Thoa sản phẩm hấp thu dầu



Rửa, làm sạch (cleanser)

- ▶ **Rửa mụn** (Acne cleanser hay medicated cleanser): có hoạt chất Benzoyl Peroxide, sulfur – resorcinol, salicylic acid, có thể có hạt hoặc không.
- ▶ **Rửa lột nhẹ** (Exfoliating cleanser): có hạt li ti, làm sạch tế bào chết, bụi bẩn, giúp thuốc thấm vào da sâu hơn. Không dùng trên da đỏ, bong lột, mỏng, nhạy cảm hay đang thoa tretinoin, uống Isotretinoin, làm peeling.
- ▶ **Sữa rửa** (Cleansing milk): là rửa mềm da (cleanser emolient), không tạo bọt, thường dùng tẩy trang



Tẩy tế bào chết, bong lột nhẹ (exfoliant)

Cơ học: hạt mịn như bột quả hạnh, hạt polyethylene, hạt dầu jojoba

Hóa học: AHAs như glycolic, lactic acid, BHAs

- ▶ Giảm nếp nhăn sâu, nhỏ, nám, tắc lỗ chân lông, thay mới tế bào, giảm thâm nám.
- ▶ Dạng gel, serum, cream hoặc dạng rửa

Enzymes: papain (từ đu đủ), bromelain (từ trái thơm), pancreatin (từ bò, heo); tác dụng ly giải protein. Dạng gommages, lăn, bột.





Mặt nạ

- Luôn là dạng đất sét (clay), làm khô da.
-
- Thành phần: bentonite, kaolin, hectorite, silica, camphor: se da, hấp thu dầu, làm sạch bít tắc và thu nhỏ lỗ chân lông.
- Đắp 15 - 20 phút sau khi rửa.
- Sử dụng 2 – 3 lần / tuần





Cân bằng

(astringent hay toner)

- Dùng sau khi rửa, giúp kiểm soát chất nhờn, se khít lỗ chân lông và điều hòa pH của da sau khi rửa.
- Thành phần: witch hazel, isopropyl, SD alcohol, trích tinh cam, chanh, citric acid. Đôi khi có salicylic acid gây bong lột nhẹ.
- Do thường gây khô da nên tránh dùng trên da nhạy cảm, thoa tretinoin, uống Isotretinoin.



Dưỡng ẩm

- Niacinamide, retinoid (retinol, retinyl palmitate), AHAs, PHAs
- Dạng gel, kem, serum, lotion, emolient, không gây bít tắc lỗ chân lông.



Kiểm soát sự bài tiết bã nhờn

- ▶ Lotion hay gel có silica hay nylon là chất hấp thu dầu, thoa dưới lớp trang điểm.



TRÚNG CÁ DO MỸ PHẨM

- ✓ **Sinh nhân mụn (Comedogenicity) thật sự:** sản phẩm thoa tạo nhân mụn sau nhiều tháng, tăng sừng ống tuyến bã, kết hợp tăng tiết bã, tạo khối bít tắc hay nhân mụn.
 - ✓ Cần thời gian điều trị lâu.
- ✓ **Phản ứng sinh mụn trứng cá (acnegenic) hay phản ứng kích thích quanh nang lông:** phát ban cấp tính gồm sẩn, mụn mủ trong thời gian ngắn. Phát ban mụn mủ xuất hiện nhanh sau khi dùng kem thoa mới hay sau chăm sóc da mặt.
 - ✓ Chỉ điều trị thời gian ngắn.



Khả năng sinh nhân mụn cao (Highly Comedogenic)

- ▶ Linseed Oil
- ▶ Olive Oil
- ▶ Cocoa butter
- ▶ Oleic Acid
- ▶ Coal tar
- ▶ Isopropyl Isostearate
- ▶ Squalene
- ▶ Isopropyl Palmytate
- ▶ Isopropyl Myristate
- ▶ Myristyl Myristate
- ▶ Acetylated Lanolin
- ▶ Isopropyl Linoleate
- ▶ Oleyl Alcohol
- ▶ Octyl Palmitate
- ▶ Isostearic Acid
- ▶ Myreth 3 Myristate
- ▶ Butyl Stearate
- ▶ Lanolic Acid



Khả năng sinh nhân mụn trung bình (Moderately Comedogenic)

- ▶ Decyl Oleate
- ▶ Sorbitan Oleate
- ▶ Myristyl Lactate
- ▶ Coconut Oil
- ▶ Grape Seed Oil
- ▶ Sesame Oil
- ▶ Hexylene Glycol
- ▶ Tocopherol
- ▶ Isostearyl Neopentanoate
- ▶ Most D&C Red pigments
- ▶ Octyldodecanol
- ▶ Peanut Oil
- ▶ Lauric Acid
- ▶ Mink Oil





Khả năng sinh nhân mụn thấp (Mildly Comedogenic)

- ▶ Corn Oil
- ▶ Sunflower Oil
- ▶ Lauryl Alcohol
- ▶ Lanolin Alcohol
- ▶ Glyceral Stearate
- ▶ Lanolin
- ▶ Sunflower Oil
- ▶ Avocado Oil
- ▶ Mineral Oil





Jojoba Oil



Không sinh nhân mụn (Noncomedogenic)

- ▶ Glycerin
- ▶ Sorbitol
- ▶ Sodium PCA
- ▶ Zinc Stearate
- ▶ Octyldodecyl Stearate
- ▶ SD Alcohol
- ▶ Propylene Glycol
- ▶ Allantoin
- ▶ Panthenol
- ▶ Water
- ▶ Iron Oxides
- ▶ Dimethicone
- ▶ Cyclomethicone
- ▶ Polysorbates
- ▶ Cetyl Palmitate
- ▶ Propylene Glycol Dicaprate/
Dicaprylate
- ▶ Jojoba Oil
- ▶ Isopropyl Alcohol
- ▶ Sodium Hyaluronate
- ▶ Octylmethoxycinnimate
- ▶ Oxybenzone
- ▶ Petrolatum
- ▶ ButyleneGlycol
- ▶ Tridecyl Stearate
- ▶ TridecylTrimellitate
- ▶ Octyldodecyl Stearoyl Stearate
- ▶ Phenyl Trimethicone

Mụn do mỹ phẩm không rõ thành phần, nguồn gốc

- ▶ Mỹ phẩm chứa corticoid: trắng, mịn, mỏng da nhanh
- ▶ Mỹ phẩm có thủy ngân, nhân sâm,...

Biểu hiện

- ▶ **Do corticoid:** vài ngày đến vài tháng
Gồm: sẩn, mụn mủ, giãn mạch, teo da, sạm, mất sắc tố
- ▶ **Khác:** vài tháng, vài năm
Da trắng, khô, tróc vảy, mụn nhỏ li ti, ngứa
- ▶ **Đặc điểm chung:** khi ngưng kem sẽ ngứa, khô, sạm da nhanh

Bước 1

Điều hòa và giảm sừng hóa nang lông.

- ▶ *Làm mất những nhân mụn hiện có và ngăn ngừa xuất hiện nhân mụn mới*
- ▶ **Retinoids:** Tretinoin, adapalene, tazarotene, retinol, retinyl linoleate, retinyl palmitate, retinoin uống (isotretinoin)
- ▶ **Tretinoin** điều trị nhân mụn và tạo điều kiện cho kháng sinh tác động trên nang lông, giảm tiết bã, bình thường sự sừng hóa thượng bì.

Bước 2

Diệt khuẩn Thoa

- + **Kháng sinh** thoa: clindamycin, erythromycin
- + **Benzoyl peroxide**: tiêu sừng, kháng viêm, sát khuẩn
- + **Thay thế BP**: Salicylic acid, Sulfur hay Sulfur kết hợp resorcinol, AHAs
- + Phối hợp BP với clindamycin hoặc erythromycin để giảm sự kháng thuốc
- + **Azelaic acid**
 - + **Sodium sulfacetamide**: sát khuẩn
- + **Sulfur**: tiêu sừng, sát khuẩn

Bước 2

Diệt khuẩn Ánh sáng

- ▶ Ánh sáng xanh, AS đỏ.

- ▶ IPL

Đặc biệt hiệu quả trong điều trị mụn trứng cá lưng, ngực và mặt kháng trị, không là lựa chọn đầu tiên trong điều trị nhưng kiểm soát mụn và duy trì tốt.

- ▶ Laser hồng ngoại (1320, 1450nm); IPL (400 – 1200nm); pulsed dye laser (585 -595nm); KTP laser (532nm) ức chế *P. acnes* và làm tổn thương tuyến bã.



Bước 3

Giảm tắc nghẽn lỗ chân lông, loại tế bào chết

- + Retinoids, BHA, AHAs, azelaic acid.
- + Lấy nhân mụn khó trị: thoa trước tretinoin 4 -6 tuần
Kim 18, dao 11 hay lancet.
Thoa EMLA trước 1,5 - 2 giờ

Bước 4

Giảm viêm

- ▶ Salicylic acid sữa rửa, gel, mặt nạ
- ▶ Lột hóa chất nông: hiệu quả trong nhân mụn
 - Lactic, salicylic, glycolic, pyruvic, trichloroacetic
 - Không lột trên BN uống tretinoin do tăng ngứa
 - Da type IV,V không lột do nguy cơ cao PIH.
- ▶ Kháng viêm uống (aloe vera, chamomile, coenzyme Q10, cucumber extract, green tea, licorice extract, mushroom, niacinamide, pycnogenol, silymarin.)

Bước 5

Giảm nồng độ chất bã, hoạt động tuyến bã

- ▶ Retinoids thoa và uống
- ▶ Ổn định nội tiết: thuốc tránh thai uống
- ▶ Lột hóa chất: AHAs 20- 30%



Bước 6

Ngừa mụn tái phát

Sáng:

- ▶ Rửa mặt sản phẩm chứa Salicylic 2%
- ▶ Thoa dung dịch kháng sinh hay azelaic acid
- ▶ Kem hay gel hoặc lotion giữ ẩm
- ▶ Thoa chống nắng

Tối:

- ▶ Rửa a. Salicylic
- ▶ Thoa retinoid hay sản phẩm gel, cream bong lột nhẹ có BP, a. Salicylic, sulfur, resorcinol, glycolic acid để ngăn sự hình thành những nhân mụn mới.



MỘT SỐ DƯỢC MỸ PHẨM THÔNG DỤNG



VICHY
LABORATOIRES

DUCRAY
LABORATOIRES DERMATOLOGIQUES

Eucerin®



NeoStrata®
The Science
of Great Skin

ROHTO®

Avène

Avène



► *Cleanance*

- Chiết xuất Curcubita: giảm tiết bã nhờn
- Kẽm gluconate: kháng viêm, ức chế bã nhờn
- Nước khoáng: kháng viêm, chống kích ứng, dịu da
- CTAB 0.05%: làm sạch, kháng khuẩn
- Glycerol 4% giữ ẩm
- Bisabolol 0,5%: kháng viêm
- Triglyceride: nuôi dưỡng, giữ ẩm, b.vệ d

► *Diacneal*

- Retinaldehyde 0,1%: điều hòa sừng hóa, kháng khuẩn, kích thích sinh sợi collagen và elastin
- Glycolic 6%: tiêu sừng, loại nhân mụn, giảm ứ tắc bã, tăng hấp thu retinaldehyde



► *Keracnyl*

- Điều hòa hoạt động bã nhờn: Sabal serrulata (cây cọ ở Nam phi), zinc salicylate, clay
- Tiêu sừng: AHAs (glycolic, lactic acid), BHA (salicylic)
- Kháng khuẩn: Mytarcine :tương đương benzoyl peroxide, giảm sừng hóa ống tuyến bã
- Kháng viêm, dịu da: α bisabolol, stearyl glycyrrhetinate
- Giữ ẩm: glycerine 2%



► *Teen Derm K*

- Salicylic acid 0,5%
- Glycolic acid 6%
- 5 α Avocuta 1%: ức chế hoạt động 5 α reductase, giảm tiết bã, giảm viêm
- Zincpca 1%: giảm tiết bã, giữ ẩm, sát khuẩn
- Gluco – Delta – Lactone 6%: lột nhẹ, giảm nhờn





► *Normaderm*

- **LHA**: làm sạch TB chết, tiêu sừng, tái tạo TB
- **Glycyrrhetic acid**: dịu da
- **Totarol**: từ thực vật Totara wood, sát khuẩn, sạch da
- **Zincadone**: điều hòa sự tiết bã nhờn, sát khuẩn, sạch da
- **Salicylic acid**
- **Eperulin**: dịu da
- **Dialkalyte**: sáng bóng da
- **Vitamin CG**: điều hòa bã nhờn, chống gốc oxy tự do
- **Vit E**: chống oxy hóa, chống gốc tự do
- **AHAs**: glycolic acid, bong nhẹ, tái tạo tế bào mới
- **Kaolin**: da sáng, khỏe
- **Acrylic polymer**: hấp thu bã nhờn



Eucerine

- ▶ Acid lactic 2%: giảm nhân mụn



Neostrata

- AHAs 4%
- PHAs 4%
- Salicylic acid 2%
- Asebiol: phức hợp kiểm soát dầu



- ▶ - Salicylic acid
- ▶ - Resorcinol
- ▶ - Sulfur
- ▶ - Triclosan
- ▶ - Glycyrrhetic acid
- ▶ - Vitamin C



Papulex



®

3

tác động trên
mụn trứng cá

Dòng sản phẩm Papulex®

Gam sản phẩm

PAPULEX® Oil-Free Cream 40ml

PAPULEX® Isocorrexion
Hydrating Cream 50ml.

PAPULEX® Moussant
Soap Free Cleansing Gel 150 ml



PAPULEX® Lotion
PAPULEX® Gel
PAPULEX® UV Cream

PAPULEX[®] Oil-Free Cream 40 ml

- Thành phần chính
 - Nicotinamide 4%
 - ABA 1%
 - Kẽm PCA 1%
 - Chất chống bóng nhờn 7%
- ▶ Không gây nhân mụn
- ▶ Không gây nhạy cảm với ánh sáng
- ▶ Không chứa hương liệu
 - Giúp làm giảm mụn trứng cá
 - 1% ABA + 4% Nicotinamide
 - Điều hòa sự sản xuất bã nhờn và chống bóng nhờn
 - 1% Zinc PCA giảm sản xuất bã nhờn
 - Chứa 7% chất chống bóng nhờn



PAPULEX[®] Moussant Soap Free Cleansing Gel 150ml

- ▶ Các thành phần chính
 - Nicotinamide 4%
 - ABA 3%
 - Glycerin 7%
 - Sorbitol 2%
- ▶ Giúp làm giảm mụn trứng cá
 - 3% ABA + 4% Nicotinamide
- ▶ Nhẹ nhàng làm sạch da
 - Chất nền tạo bọt dịu nhẹ
- ▶ Làm ẩm da và tạo cảm giác thoải mái cho da
 - Các tác nhân giữ ẩm: glycerin + sorbitol
- ▶ Không chứa xà phòng
 - Lý tưởng để sử dụng hàng ngày



PAPULEX® Isocorrexion Hydrating Cream 50 ml

PAPULEX® Isocorrexion Hydrating Cream giúp làm giảm mụn, cải thiện tình trạng căng kéo và khô da do thuốc trị mụn thông thường gây ra

Thành phần chính

- Nicotinamide 4%
- ABA 1%
- Kẽm PCA
- Phytosebum 35%
- Bơ hạt mỡ
- ▶ Không gây nhân mụn
- ▶ Không gây nhạy cảm với ánh sáng
- ▶ Giúp làm giảm mụn
 - 1% ABA + 4% Nicotinamide
- ▶ Điều hòa sự sản xuất bã nhờn
 - 1% Kẽm PCA giúp làm giảm bã nhờn
- ▶ Cải thiện tình trạng khô da nhờ tác động làm ẩm tăng
 - Phytosebum và Shea Butter
- ▶ Chăm sóc bổ sung cho liệu pháp trị mụn thông thường



Papulex™ UV High Protection Cream 50ml SPF 45+



Thành phần chính:

Nicotinamide 4%

ABA 1%

Shea butter

Các thành phần vô cơ & hữu cơ chống tia tử ngoại UVA & UVB

Tác dụng:

- ☐ Bảo vệ làn da khỏi tia tử ngoại UVA & UVB, tránh ánh nắng trực tiếp gây kích ứng và hại da
- ☐ SPF 45 giúp ngăn chặn bức xạ tử ngoại và ngăn ngừa nếp nhăn
- ☐ Nicotinamide giúp giảm hình thành sẹo mụn, giảm kích ứng da
- ☐ Bơ hạt mỡ: Giữ ẩm cho da và tránh lão hóa da
- ☐ Không gây nhạy cảm ánh sáng, không gây nhân mụn, không chứa hương liệu



Cách dùng : Thoa kem lên mặt, lưng, cổ 30 phút trước khi ra nắng và/hoặc sau khi tắm hoặc khi ra mồ hôi nhiều. Thoa lặp lại mỗi 2 giờ. Thoa đều nhẹ nhàng cho đến khi sản phẩm hấp thu hoàn toàn.

Sản phẩm có thể được sử dụng như kem lót trang điểm

Papulex™ Lotion 125ml



Thành phần chính:

Nicotinamide 4%

ABA 1%

Kẽm PCA

Tá dược : Aqua, Alcohol denat

Tác dụng :

- ☐ Làm sạch mụn ở cơ thể đặc biệt phần lưng và ngực
- ☐ Giúp giảm bã dầu trên những vùng mụn trứng cá có diện tích rộng như vùng lưng và ngực
- ☐ Thấm rất nhanh trên da không gây bết dính lên quần áo
- ☐ Không gây nhạy cảm ánh sáng, không chứa hương liệu, không chứa paraben

Cách sử dụng : sau khi làm sạch da, thoa Papulex Lotion lên vùng da bị mụn 2 lần một ngày vào buổi sáng và buổi tối

CÁC SẢN PHẨM CHĂM SÓC CHUYÊN BIỆT GÓP PHẦN LÀM GIẢM MỤN TRƯNG CÁ, ĐEM LẠI SỰ TỰ TIN CHO NGƯỜI SỬ DỤNG

Rửa mặt hằng ngày

Thuốc điều trị

Chăm sóc da mặt

Chăm sóc cơ thể

Bảo vệ

Da dầu/
Da hỗn hợp



Papulex™ Moussant Soap
Free Cleansing Gel 150 mL



Papulex™ Oil-free Cream
40 mL



Papulex™ Lotion 125 mL



Papulex™ UV High Protection Cream- 50 mL
SPF 45 + (UVA) (UVB)

Mụn trứng cá
nhẹ đến
trung bình



Papulex™ Moussant Soap
Free Cleansing Gel 150 mL



Thuốc điều trị tại chỗ



Papulex™ Oil-free Cream
40 mL



Papulex™ Lotion 125 mL



Papulex™ UV High Protection Cream- 50 mL
SPF 45 + (UVA) (UVB)

Mụn trứng cá
nặng



Papulex™ Moussant Soap
Free Cleansing Gel 150 mL



Thuốc điều trị tại chỗ
hoặc uống



Papulex™ Isocorrexion
Hydrating Cream 50 mL



Papulex™ Lotion 125 mL



Papulex™ UV High Protection Cream- 50 mL
SPF 45 + (UVA) (UVB)

Xin cảm ơn

